

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND huyện Gio Linh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 05/CV-MT ngày 31/5/2023 của Công ty TNHH Tam Hiệp; văn bản giải trình, bổ sung chỉnh sửa báo cáo số 07/CV-MT ngày 08/11/2023 của Công ty TNHH Tam Hiệp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1097/TTr-PTNMT ngày 24/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Tam Hiệp, địa chỉ tại Km3 đường 75, thôn Tân Lịch, xã Phong Bình, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở chế biến gỗ Tam Hiệp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Cơ sở chế biến gỗ Tam Hiệp.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Tân Lịch, xã Phong Bình, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên có mã số doanh nghiệp 3200193428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 23/02/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13/5/2020.
- 1.4. Mã số thuế: 3200193428.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:
 - Dự án có diện tích 14.560 m².
 - Công suất: Gỗ cưa, xả khối lượng 1.200 m³/năm và sản phẩm phụ dăm gỗ là

54.000 tấn/năm.

- Thời gian hoạt động: Lâu dài.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Tam Hiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 12 năm 2023 đến ngày 05 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

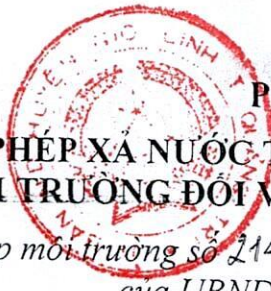
Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tam Hiệp;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công Thông tin điện tử huyện Gio Linh;
- UBND xã Phong Bình;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Đắc Hóa



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2142/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của 20 CBCNV; Lưu lượng lớn nhất 1,2m³/ngày đêm.
- + Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn qua bãi chưa dăm gỗ; Lưu lượng lớn nhất 390,6m³/ngày đêm, tương ứng 16,27m³/h.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn sau đó thoát ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn sau khi qua cụm bể lắng, lọc 02 ngăn đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) sau đó thoát ra mương nước mưa chảy ra khe nước tự nhiên các Cơ sở khoảng 130m về phía Tây Bắc.

2.2. Vị trí xả thải:

- Nước thải sinh hoạt: Góc phía Tây Nam của Cơ sở. Tọa độ: X: 1.872.590 m; Y: 717.670 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Nước mưa chảy tràn: Góc phía Tây Bắc của Cơ sở sau đó theo rãnh thoát nước và hướng nghiêng địa hình đổ về khe nước tự nhiên cách Cơ sở khoảng 130m về phía Tây Bắc. (Tọa độ: X: 1.872.278m; Y: 584.548m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt: 1,2 m³/ngày.đêm.
- Nước mưa chảy tràn: 390,6 m³/ngày, tương ứng 16,27 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sinh hoạt: tự chảy
- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước thải chỉ phát sinh khi có mưa và sau khi xử lý tự chảy ra môi trường.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Nước thải sinh hoạt xả thải liên tục (8 giờ); nước mưa chảy tràn xả thải khi có mưa.

2.3.3. Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$), cụ thể như sau:

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2) |
|----|--|-----------|--------------------------------------|
| 1 | pH | - | 5-9 |
| 2 | BOD ₅ (20 ⁰ C) | mg/l | 60 |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 120 |
| 4 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 1.200 |
| 5 | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4,8 |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 12 |
| 7 | Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) | mg/l | 60 |
| 8 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 24 |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 12 |
| 10 | Phosphat (PO ₄ ³⁻) | mg/l | 12 |
| 11 | Tổng Coliforms | MNP/100ml | 5.000 |

Chất lượng môi trường nước mưa chảy tràn khi qua hệ thống xử lý đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, K _q =0,9, K _r =1,2) |
|----|--------------------------------------|-----------|---|
| 1 | pH | - | 5,5-9 |
| 2 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 108 |
| 3 | BOD ₅ (20 ⁰ C) | mg/l | 54 |
| 4 | COD | mg/l | 162 |
| 5 | NH ₄ -N | mg/l | 10,8 |
| 6 | Tổng Photpho | mg/l | 6,48 |
| 7 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 10,8 |
| 8 | Coliform | MNP/100ml | 5.000 |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt được thu gom bằng ống nhựa PVC Ø110 đưa về xử lý tại bể tự hoại 5 ngăn (khoảng 7 m³) tại khu nhà văn phòng nằm phía Tàu Nam của cơ sở sau đó thoát ra môi trường.

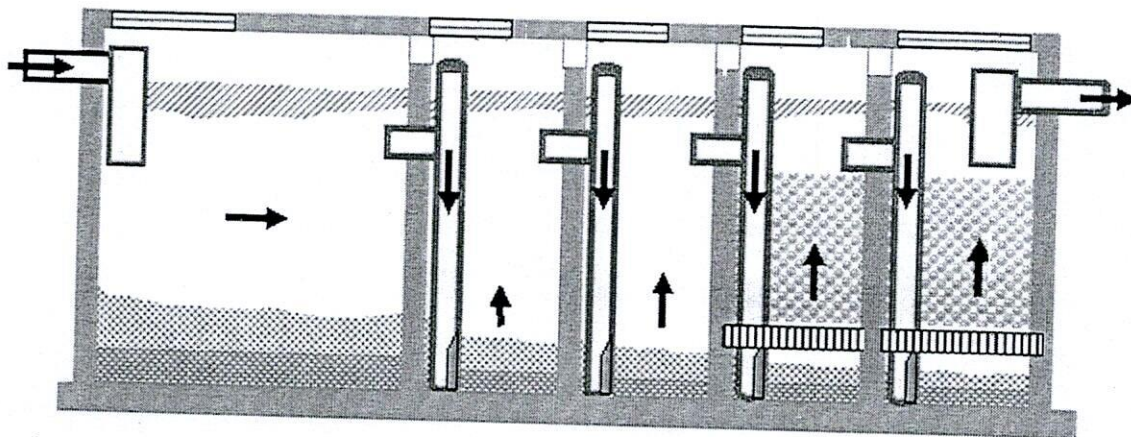
- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Đối với khu vực bãi chứa nguyên liệu gỗ (4.853 m^2) nước mưa chảy qua khu vực này được thu gom bằng rãnh bê tông dài 715m bao quanh khuôn viên cơ sở, kích thước $(0,3 \times 0,5) \text{ m}$ và qua các hố ga lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

+ Đối với khu vực bãi chứa dăm gỗ thành phẩm (1.500 m^2) nước mưa chảy qua khu vực này được thu gom bằng mương bê tông dài 50m, kích thước $(0,3 \times 0,5) \text{ m}$ và dẫn về cụm bể lắng, lọc 02 ngăn để xử lý trước khi thoát ra môi trường.

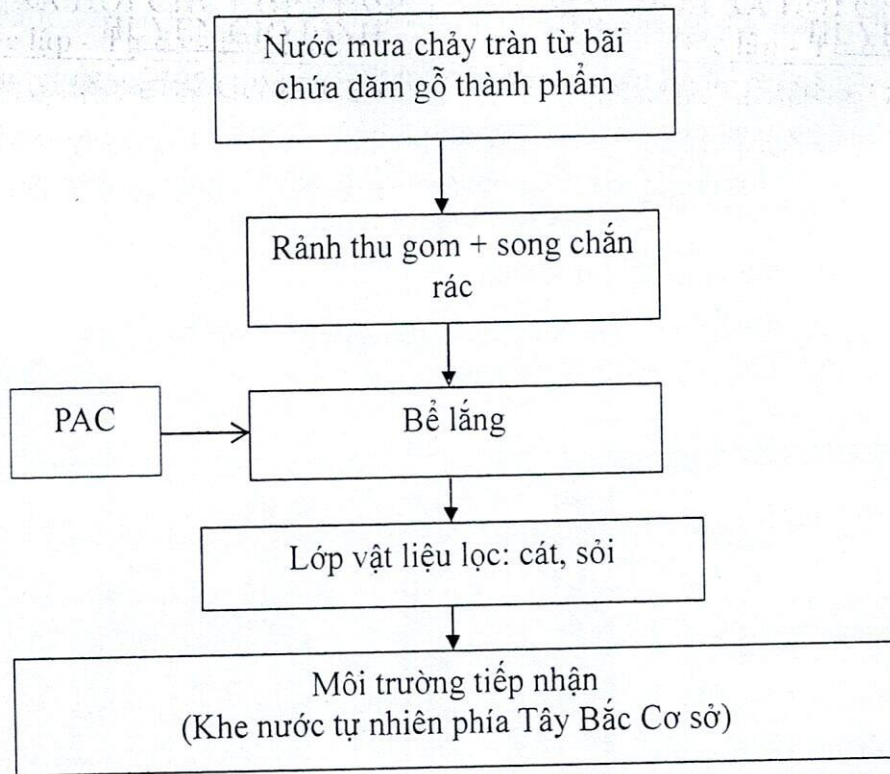
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của CBCNV được thu gom và xử lý tại bể tự hoại 5 ngăn BASTAF thể tích 7 m^3 . Quy trình xử lý như sau:



- Đối với nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu: Đối với nguyên liệu gỗ tròn sử dụng cho cửa xẻ được lưu trong khu vực có mái che tại xưởng cửa, các nguyên liệu phụ phẩm cho sản xuất dăm gỗ phần lớn khi nhập về được đưa ngay vào xưởng băm dăm, do đó nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa nguyên liệu chủ yếu là các chất rắn lơ lửng. Toàn bộ nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu được thu gom theo các rãnh thoát nước KT($0,3 \times 0,5$)m dài 715m bao quanh khuôn viên Cơ sở và qua các hố ga lắng sau đó đổ về khe nước góc phía Tây Bắc.

- Đối với nước mưa chảy tràn qua bãi chứa dăm thành phẩm được thu gom và xử lý tại cụm bể lắng, lọc 02 ngăn có quy trình xử lý như sau:



Sơ đồ 1. Quy trình thu gom và xử lý nước thải của cơ sở

Mô tả quy trình:

Nước mưa theo hệ thống mương dẫn qua lưới chắn rác để đến bể lắng. Lưới chắn rác có kích mỗi ô nhỏ hơn 30mm, sẽ giữ lại rác có kích thước lớn bao gồm các mẫu gỗ nhỏ rơi vãi. Nước sau khi qua loại bỏ các CTR bề mặt được đưa vào bể lắng để điều hòa lưu lượng nhằm mục đích chỉ xử lý lượng nước chảy qua khu vực bãi nguyên liệu trong giờ mưa đầu tiên (đối với các cơn mưa lớn > 100mm). Tại bể lắng có thể bổ sung thêm chất trợ lắng PAC (Poly Aluminium Chloride) nhằm tăng hiệu quả lắng các tạp chất. PAC dùng xử lý 01m³ nước thải trong khoảng 15 - 30 gram, tùy thuộc vào hàm lượng cặn lơ lửng và tính chất của mỗi loại nước thải.

Nước sau khi qua hệ thống bể lắng sẽ được đưa qua bể lọc với lớp vật liệu lọc là cát và sỏi nhằm lọc các tạp chất trước khi thoát ra môi trường. Bùn đất trên hệ thống mương thoát sẽ định kỳ được nạo vét để tránh tắc nghẽn.

Với đặc thù quy mô của Cơ sở sản xuất nhỏ, diện tích mặt bằng không lớn nên việc áp dụng biện pháp xử lý nước thải nêu trên phù hợp với đặc thù xử lý nước mưa chảy tràn không thường xuyên, tập trung vào những đợt mưa đầu tiên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

1.3.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật.

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại công dẫn nước thải khi chảy vào khe nước tự nhiên cách Cơ sở khoảng 130m về phía Tây Bắc.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄-N, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, K_q = 0,9; K_r = 1,2).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở sau khi được cấp GPMT theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Thời gian vận hành thử nghiệm được thực hiện trong 03 ngày liên tục dự kiến trong khoảng từ tháng 12/2023 đến tháng 01/2024 với công suất thiết kế 100%.

2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải của Cơ sở như sau:

- Vị trí: 01 vị trí tại công dẫn nước thải sau khi qua cụm 02 bể lắng, lọc trước khi chảy vào khe nước tự nhiên cách Cơ sở khoảng 130m về phía Tây Bắc.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄-N, Fe, Sunfua, Clorua, Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, K_q = 0,9; K_r = 1,2).

Chủ cơ sở dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất xử lý đạt cột B của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2142/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ các công đoạn bào, cưa, xẻ gỗ và băm dăm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tại khu vực thực hiện dự án

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm:

Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 27:2010/ BTNMT | QCVN 26:2010/ BTNMT |
|----|----------|--------|------------------------|------------------------|
| 1 | Tiếng ồn | dBA | - | 70 |
| 2 | Độ rung | dB | 75 | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn trong quá trình sản xuất, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp như sau:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành;

- Tuân thủ các quy định bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc, thiết bị sản xuất;

- Cách ly, bao kín các nguồn gây ra tiếng ồn bằng các vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp;

- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng để giảm thiểu tiếng ồn;

- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai, chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc ở khu vực có độ ồn cao;

- Giảm thời gian làm việc tiếp xúc với tiếng ồn, trong ca làm việc cần bố trí khoảng nghỉ phù hợp ở khu vực yên tĩnh.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất, giảm thiểu tiếng ồn cũng như độ rung.

- Đối với khu vực bám dăm là nơi phát sinh độ ồn cao đã được đổ bê tông đáy, các máy móc được cân chỉnh, cố định bằng các bệ móng. Ngoài ra, công nhân làm việc trong khu vực bám mảnh được trang bị các thiết bị chống ồn như nút bịt tai, khẩu trang...

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực nhà xưởng.

- Tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho công nhân theo quy định của Nhà nước.

- Đường liên thông nội bộ được xây bằng bê tông, sân bãi chứa gổ được vệ sinh thường xuyên, khi xây dựng được đầm nén chặt, thoát nước tốt bao quanh nên sẽ giảm thiểu được bụi do phương tiện gây nên.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ).

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2142/GPMT-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023
của UBND huyện Gio Linh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Chất thải nguy hại có thể phát sinh tại dự án gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu động cơ hộp số và bôi trơn. Đối với hoạt động sản xuất của cơ sở, ước tính trung bình lượng chất thải phát sinh khoảng 6 kg/năm, cụ thể như sau:

| TT | Chất thải | Đơn vị | Lượng thải | Mã CTNH |
|----|--|--------|------------|----------|
| 1 | Giẻ lau, găng tay bị nhiễm các thành phần nguy hại | kg/năm | 2,0 | 18 02 01 |
| 2 | Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải | kg/năm | 2,5 | 17 02 03 |
| 3 | Bóng đèn huỳnh quang thải | kg/năm | 0,5 | 16 01 06 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án bao gồm:

- Đối với dây chuyền cưa xẻ gỗ:

+ Đối với mùn cưa: Khối lượng phát sinh thực tế tại cơ sở khoảng 25kg/ngày.

+ Đối với gỗ thừa từ quá trình cưa xẻ gỗ: khối lượng phát sinh chiếm khoảng 40% nguyên liệu đầu vào khoảng 881,7 tấn/năm, tương ứng khoảng 2,42 tấn/ngày.

- Đối với dây chuyền sản xuất dăm gỗ: Lượng chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là mùn dăm được Cơ sở thu gom và định kỳ bán cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn. Ngoài ra, chất thải rắn còn phát sinh do rơi vãi, lượng chất thải này có thành phần chủ yếu là mùn gỗ, đất, cát nên Chủ cơ sở định kỳ hàng ngày tiến hành vệ sinh nhà xưởng, kho bãi thu gom và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Lượng phát thải bình quân 0,5 kg/người/ngày, với 20 cán bộ công nhân thì lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt ước tính khoảng 10 kg/ngày. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, chai, lon, vỏ hoa quả...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

CTNH phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở được công nhân thu gom, chuyên vào thùng chứa có nắp đậy rồi vận chuyển về khu lưu giữ chất thải nguy hại của cơ sở góc phía Đông Bắc để lưu giữ tạm thời. Hiện tại, Chủ cơ sở đang liên hệ đơn vị để thu gom, tuy nhiên gặp khó khăn trong quá trình vận chuyển của đơn vị thu gom và tài chính của cơ sở. Do đó, chủ Cơ sở cam kết sẽ thu gom và lưu giữ CTNH đúng vị trí theo quy

định, có thùng đựng CTNH và hợp đồng với đơn vị có năng thực theo quy định trong thời gian đến (dự kiến quý I/2024).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với dây chuyền cưa xẻ gỗ:

+ Đối với mùn cưa: Hàng ngày, công nhân nhà xưởng thu gom về khu vực chứa ở góc phía Bắc nhà xưởng và bán cho nhà máy gỗ MDF, một phần bán cho người dân gần khu vực để làm nhiên liệu nấu lò, trồng nấm.

+ Đối với gỗ thừa từ quá trình cưa xẻ gỗ: Được tập trung vào bãi chứa làm nguyên liệu cho sản xuất dăm gỗ nhằm giảm thiểu thất thoát ra môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cho Chủ cơ sở.

- Đối với dây chuyền sản xuất dăm gỗ: Lượng chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là mùn dăm được Cơ sở thu gom và định kỳ bán cho các đơn vị có nhu cầu trên địa bàn. Ngoài ra, chất thải rắn còn phát sinh do rơi vãi, lượng chất thải này có thành phần chủ yếu là mùn gỗ, đất, cát nên Chủ cơ sở định kỳ hàng ngày tiến hành vệ sinh nhà xưởng, kho bãi thu gom và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

Ngoài ra, chất thải rắn phát sinh tại các khu vực khác như bùn đất từ hồ ga, cũng được Chủ cơ sở định kỳ thu gom và xử lý như chất thải rắn sinh hoạt.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Cơ sở bố trí nhân viên thay phiên nhau quét dọn, thu gom rác thải hàng ngày. Toàn bộ lượng rác thu gom, lưu giữ trong thùng rác, bố trí gần khu vực văn phòng và tại nhà xưởng.

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại vào 03 thùng rác loại 60L có nắp đậy.

- Hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh thu gom, đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/tuần (Hợp đồng số 37/2023/HĐ-TGR ngày 13/10/2023).

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

Dự án sẽ bố trí nhân viên thay phiên nhau quét dọn, thu gom rác thải hàng ngày. Toàn bộ lượng rác thu gom, lưu giữ trong thùng rác, bố trí gần khu vực văn phòng và tại nhà xưởng.

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom, phân loại vào các thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy. Hợp đồng định kỳ với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh định kỳ đem đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ, chập điện

Các biện pháp phòng ngừa

- Cơ sở đã trang bị 04 bình chữa cháy loại MFZL4 ABC và 02 bình chữa cháy MT3 phục vụ dập tắt đám cháy, hệ thống biển báo, nội quy, tiêu lệnh PCCC tại xưởng chế biến. Ngoài ra, trang bị búa tạ, rìu, xà beng, kìm cộng lực để phục vụ ứng phó khi có sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn cháy nổ tại khu vực sản xuất, khu vực chứa nguyên vật liệu.

- Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ và nội quy an toàn cháy nổ. Bảng nội quy được treo ở vị trí dễ thấy, có nhiều người qua lại.

- Thành lập đội PCCC, định kỳ hàng năm phối hợp với cơ quan Công an phòng cháy chữa cháy tỉnh tổ chức hướng dẫn và hội thảo về công tác PCCC và an toàn cháy nổ cho toàn công ty diễn tập các tình huống cháy nổ có thể xảy ra.

Các biện pháp ứng phó

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, người phát hiện phải bấm còi báo động đồng thời hô hào mọi người xung quanh để cùng dập lửa; dùng bình xịt hoặc hệ thống bơm nước để dập tắt đám cháy;

- Người gần khu vực cầu dao điện nhanh chóng đến ngắt nguồn điện và cho ngừng hoạt động sản xuất;

- Di tản mọi người ra khỏi khu vực cháy;

- Thông báo cho đơn vị PCCC, đơn vị y tế gần nhất;

- Nếu có người mắc kẹt thì tổ chức thực hiện giải cứu và đưa người mắc kẹt ra ngoài.

2. Biện pháp vệ sinh an toàn lao động

- Đưa ra các nội quy an lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn cho máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Quy định về trang phục, đầu tóc gọn gàng trong khi làm việc và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Chủ cơ sở hướng dẫn các quy tắc an toàn lao động. Cung cấp các thiết bị, địa chỉ cần thiết phòng chống khi xảy ra sự cố.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn cho công nhân về cách bảo quản và sử dụng an toàn chất thải nguy hại.

- Cung cấp và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân: găng tay, giày ủng, dụng cụ bảo vệ mắt...

- Kiểm tra sức khỏe của công nhân định kỳ, thực hiện đúng quy định về an toàn lao động.

- Quy định và kiểm tra thường xuyên nội quy nơi làm việc của công nhân.

- Định kỳ đánh giá và tập luyện những phương án khẩn cấp (chống cháy, nổ).